

**H TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phú Trần Anh Vương

Bà Hứa Thị Mây Sum

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận N tham gia phiên toà: Bà Tài Thị Cao Sâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Nữ Tiến Hoà, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Phước Lập Tam L, xã Phước N, huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Từ Công T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Phước Lập Tam L, xã Phước N, huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn kh kiện ngày 02/12/2022, Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Châu Nữ Tiến H trình bày: Chị với anh Từ Công T tự nguyện tìm hiểu và đi đến chung sống với nhau từ năm 2006 và đến năm 2009 thì thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã

Phước N, huyện Thuận N. Sau khi tổ chức lễ cưới thì chị và anh T sống cùng với cha mẹ chị. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T đã bỏ đi từ năm 2012 cho đến nay không còn liên lạc, quan tâm tới nhau. Thỉnh thoảng anh T có gọi điện hỏi thăm con, ngoài ra chị và anh T không có bất cứ liên hệ nào với nhau. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Từ Công T, vợ chồng đã sống cách ly hơn 10 năm nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- *Về con chung*: Chị với anh Từ Công T có 02 con chung tên Từ Công Nhị H, sinh năm 2006 và Từ Công H H, sinh năm 2008, hiện nay con đang sống với chị cùng với cha mẹ chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Từ Công T: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai để thông báo cho anh Từ Công T biết và thực hiện nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời trình bày.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Châu Nữ Tiến H, chị H được ly hôn anh T.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Châu Nữ Tiến H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Từ Công T, đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Từ Công T hiện

đang cư trú tại thôn Phước Lập Tam L, xã Phước N huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận N.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Châu Nữ Tiến H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh Từ Công T (bị đơn) vắng mặt đã được Tòa án nhân dân huyện Thuận N thực hiện các thủ tục niêm yết hợp lệ, công khai nhưng anh T không đến Toà. Phiên toà được mở lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/09 ngày 13/01/2009 của Ủy ban nhân dân xã Phước N, huyện Thuận N, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của chị Châu Nữ Tiến H và anh Từ Công T là hôn nhân hợp pháp, thời điểm kết hôn năm 2017, có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2]. Tình trạng hôn nhân: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T bỏ đi từ năm 2012 nên vợ chồng sống cách ly từ đó đến nay, không ai quan tâm tới ai. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, chính quyền địa phương xác nhận anh T có hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện nay anh T không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục niêm yết công khai, hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Từ những phân tích trên xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Châu Nữ Tiến H và anh Từ Công T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Châu Nữ Tiến H và anh Từ Công T có 02 con chung tên Từ Công Nhị H, sinh ngày 20/6/2006 và Từ Công H H, sinh ngày 12/11/2008. Hiện nay con đang sống cùng với chị H, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay con đang sống cùng với chị H đã ổn định về tâm lý, hơn nữa hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, do đó việc giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Châu Nữ Tiến H không yêu cầu anh Từ Công T cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Châu Nữ Tiến H và anh Từ Công T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận N về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Châu Nữ Tiến H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu KH kiện của chị Châu Nữ Tiến H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Nữ Tiến H được ly hôn anh Từ Công T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Châu Nữ Tiến H, giao 02 con chung tên Từ Công Nhị H, sinh ngày 20/6/2006 và Từ Công H H, sinh ngày 12/11/2008 cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Châu Nữ Tiến H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0001520 ngày 06/12/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận N.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận N;
- Chi cục THADS huyện Thuận N;
- UBND xã Phước N.
- Các đương sự;
- Lưu H sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Khánh Hưng

